

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/TTP/2019

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam.
2. Địa chỉ: tòa nhà Metropolitan, 235 Đồng Khởi, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
3. Điện thoại: 028 38257110 Fax:
4. E-mail: thinhhatkhanh.huyen@tetrapak.com
5. Mã số doanh nghiệp: 0302803331
6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Không áp dụng

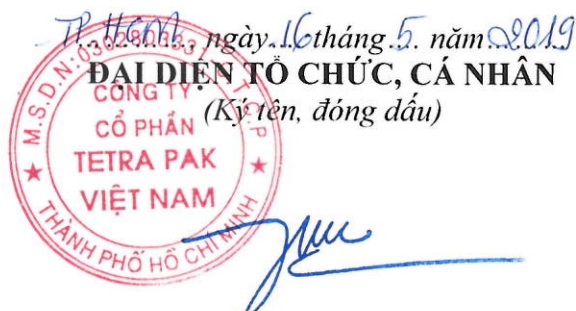
II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **Băng nhựa MPM**
2. Thành phần: Nhựa polyethylene (PE)
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Băng nhựa MPM được đóng gói thành hộp (10 cuộn/hộp) và được bọc lớp PE để tránh ẩm và bụi.
 - Các thùng được xếp trên pallet 40 hoặc 54 hộp/pallet.
 - Mỗi pallet được bọc lớp PE bên ngoài.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (nếu có):
 - Nhà sản xuất: Rayong
 - Địa chỉ: 109 Moo 4, Highway 331, RAYONG city, TH 21140, Thailand

III. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Công ty kinh doanh sản phẩm **Băng nhựa MPM** đạt yêu cầu an toàn thực phẩm (để tiếp xúc với các loại thực phẩm và thức uống không chứa cồn) theo:
QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.
2. Mô tả mẫu, bao bì ghi nhãn: xem Phụ lục kèm theo.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố ./.



Nguyễn Thị Nhật Khánh

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 07/TTP/2019

PHỤ LỤC

1. Mô tả sản phẩm: Băng nhựa MPM



2. Bao bì ghi nhãn:

Tetra Pak Material Description		Box Number
Tetra Pak [®] LS-strip MPM JR 7,5/0,080		0327
Tetra Pak Material Number	Production Order Number	Prod Date YY MM DD
A885695101	P523-0207277	18.09.23
Box Content	Tetra Pak (Thailand) Ltd Eastern Seaboard Industrial Estate (Rayong) 109 Moo 4, Highway 331 Phuak Daeng, Rayong 21140 THAILAND	Meter Type Strip
1-0100 0207277 4-0100 0207277 7-0100 0207277 10-0100 0207277 13-0100 0207277 16-0100 0207277 19-0100 0207277	GTIN 97329001123195 Count 07 Batch 02072770327	Box Weight (kg) 12.88 Best before YY MM DD 20.03.26
Made in Thailand		
52302072770327885695101DG 001288		
NHÂN PHU CỦA SẢN PHẨM		

280333
CÔNG TY
CỔ PHẦN
TETRA P
VIỆT N
ÁNH PHỔ H

NỘI DUNG GHI NHÃN PHỤ SẢN PHẨM

Tên sản phẩm: Băng nhựa MPM

Thành phần: Băng nhựa MPM gồm 5 lớp

Lớp giữa: Lớp nhựa PET

Hai lớp nhựa mềm PE (1) phía ngoài

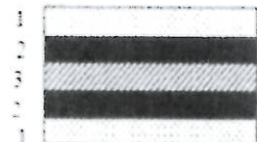
Hai lớp keo (2) dán lớp nhựa PE (1) với lớp nhựa (3)

Kính thước:

- Độ dày: 0.08 mm
- Chiều rộng: 7.5 mm
- Thời hạn sử dụng: 18 tháng kể từ ngày sản xuất với điều kiện bảo quản được đảm bảo.

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Băng nhựa MPM được bảo quản trong kho sạch, tránh ẩm và ánh sáng trực tiếp.



- Sản phẩm phải được lưu trữ trong hộp và được xếp trên pallet
- Pallet phải để riêng, không được xếp chồng lên nhau.
- Điều kiện bảo quản: Độ ẩm yêu cầu 40 đến 60%; nhiệt độ khoảng từ 10 đến 40°C

Quy cách đóng gói:

- Băng nhựa MPM được đóng gói thành hộp (10 cuộn/hộp) và được bọc lớp PE để tránh ẩm và bụi.

- Các thùng được xếp trên pallet 40 hoặc 54 hộp/pallet.
- Mỗi pallet được bọc lớp PE bên ngoài.

Xuất xứ: Thái Lan

Nhà sản xuất: Rayong

Địa chỉ: 109 Moo 4, Highway 331, RAYONG city, TH 21140, Thailand.

Thương nhân chịu trách nhiệm hàng hóa: Công ty Cổ phần Tetrapak Việt Nam

Địa chỉ: 235 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

Điện thoại: 028 38277100



Số: 0837/N3.19/ĐG

Ngày: 25/04/2019

THÔNG BÁO KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

1. Đơn vị yêu cầu : Công ty Cổ phần Tetra Pak Việt Nam
2. Tên mẫu theo khai báo : Băng nhựa MPM
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 12/04/2019
5. Căn cứ giám định : QCVN 12-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

6. KẾT QUẢ GIÁM ĐỊNH

Stt	Tên chỉ tiêu	Kết quả giám định	Giới hạn tối đa cho phép nêu tại mục 5
6.1	Ngoại quan		-
6.2	Định danh nhựa	Polyethylene	Thuộc nhóm nhựa nêu tại mục 5.
6.3	Hàm lượng cặn khô chiết được từ mẫu, µg/mL		30
	- Trong nước cất, 60°C, 30 phút	< 5	
	- Trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút	< 5	
	- Trong n-heptan, 25°C, 60 phút	< 10	
6.4	Hàm lượng KMnO ₄ tiêu thụ trong nước cất chiết được từ mẫu, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	10
6.5	Hàm lượng kim loại nặng (quy ra chì) chiết được từ mẫu trong axit axetic 4%, 60°C, 30 phút, µg/mL	< 1	1
6.6	Hàm lượng các kim loại trong vật liệu, µg/g		100
	- Chì (Pb)	< 5	
	- Cadimi (Cd)	< 5	

7. **Kết luận:** Mẫu nêu trên có kết quả các chỉ tiêu thử nghiệm phù hợp với mức quy định nêu tại mục 5 đối với **dải nhựa** tiếp xúc trực tiếp với các loại **thực phẩm và thức uống không chứa cồn**.

Ghi chú: Thông báo này chỉ có giá trị cho mẫu nêu trên.

GIÁM ĐỊNH VIÊN



Phạm Thị Vân Giang

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Mai Văn Sùng

KT3-01861AHD9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2019
Trang 01/02

1. Tên mẫu : BĂNG NHỰA MPM
2. Số lượng mẫu : 01
3. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
837/N3.19/ĐG/C
01 cuộn sợi dây nhựa màu trắng
4. Ngày nhận mẫu : 16/04/2019
5. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN TETRA PAK VIỆT NAM
253 Đồng Khởi, P. Bến Nghé, Q.1, Tp Hồ Chí Minh
6. Thời gian thử nghiệm : 17/04/2019 – 24/04/2019
7. Kết quả thử nghiệm : xem trang 02/02

P. TRƯỞNG PTN HÀNG TIÊU DÙNG**Nguyễn Thị Thùy Nhi****TL. GIÁM ĐỐC**
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM**Phan Thanh Trung**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến. / Test results are valid for the namely submitted sample(s) only.
2. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
3. N/A: không áp dụng. / Not applicable.
4. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
5. Độ không đảm bảo đo mở rộng ước lượng được tính với $k = 2$, mức tin cậy 95 %. Khách hàng có thể liên hệ theo địa chỉ dưới để biết thêm thông tin.
Estimated expanded uncertainty of measurement with $k = 2$, at 95 % confidence level. Please contact Quatest 3 at the below address for further information

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam
Testing: No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam
C5 lot, K1 road, Cat Lai IZ, Dist. 2, HCMC, Vietnam

Tel: (84-28) 3829 4274
Tel: (84-251) 383 6212
Tel: (84-28) 3742 3160

Fax: (84-28) 3829 3012
Fax: (84-251) 383 6298
Fax: (84-28) 3742 3174

Website: www.quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn
E-mail: tn-cskh@quatest3.com.vn



Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1 Định danh nhựa bằng phương pháp phổ hồng ngoại • mặt 1 • mặt 2 THỬ VẬT LIỆU	-	ASTM E 1252 – 98		Polyethylene Polyethylene
7.2 Hàm lượng chì	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	Không phát hiện
7.3 Hàm lượng cadimi	µg/g	QCVN 12-1 : 2011/BYT	5,0	Không phát hiện
THỬ NGÂM THÔI NHIỄM				
7.4 Kim loại nặng (quy ra chì) trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	-	< 1
7.5 Lượng KMnO ₄ sử dụng trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL	QCVN 12-1 : 2011/BYT	1,0	Không phát hiện
7.6 Hàm lượng cặn khô		QCVN 12-1 : 2011/BYT		
• Trong heptan sau 60 phút ở 25 °C	µg/mL		5,0	< 10,0 (*)
• Trong nước sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	Không phát hiện
• Trong acetic acid 4% (v/v) sau 30 phút ở 60 °C	µg/mL		5,0	Không phát hiện

Ghi chú: (*) Giới hạn định lượng.